

# Văn Hoá và Dân Tộc

Khi chưa xuất ngoại, chúng ta bối rối trong văn hoá dân tộc như cá trong nước. Cá không biết phải có nước mới sống được; mãi tới khi không may mắc cạn, cá mới nhận thấy hể thiêu nước thì cá tắc thở.

A1. Khi còn ở quê nhà, chúng ta không để ý đến văn hoá như cá không để ý đến nước. Sóng trong lòng dân tộc, nói một thứ tiếng, ăn bản cùng một kiểu, cùng một phong tục tập quán, cùng tôn trọng những giá trị cổ truyền, cùng theo những lễ nghi đã có định, chúng ta suy nghĩ và hành động theo những khuôn khổ sẵn có từ ngàn xưa. Chúng ta không phản cảm thắc mắc, không bỗng hoang mang. Hoa hoắn, cũng có những kẻ không theo đúng khuôn khổ ấy, hành động ngang trái, nhưng họ là một thiểu số không đáng kể, là những con cừu ghe, những cǎn bã mà xã hội nào cũng có, không làm cho chúng ta phải bận tâm hàng ngày.

Nhưng bước chân sang một nước khác, dù là nước bên cạnh, chúng ta bắt đầu bỗng lạc lõng; vì chúng ta không để và không hiểu tại sao họ lại suy nghĩ và hành động khác hẳn chúng ta, nghĩa là họ có một nền văn hoá khác.

Khi mới tới Trung Quốc, một nước gọi là *dòng văn*, chúng ta nhận ngay thấy nhiều điều khác biệt. Tiết: Đám ma thì họ dốt pháo mà đám cùi thì họ thôi kèn. Sang tới Ấn Độ vào ngày Tết của họ mà cùi ngang nhiên bận quần áo đẹp di dạo phố thì sẽ bị dân địa phương dùng bom xe đập phlat mực xanh mực đỏ làm hoen ô quần áo của mình. Không có ác ý, họ chỉ chúc mừng năm mới, cầu may cầu phúc cho mình. Đây chỉ là một vài trong muôn ngàn thói tục kỳ lạ chúng ta không hề nghĩ tới khi chúng ta chùa ra khỏi nước,

Khi mới đặt chân lên đất Hoa Kỳ, chúng ta hết sức ngạc nhiên nhưng kỳ công về kỹ thuật hiện đại như: chưa bao giờ chán tòi cửa, cánh cửa đã tự động mở toang để đón chúng ta vào, nhà cửa thì xa, xa lô thì gần, nhà nào cũng có điện thoại, TV, việc gì cũng làm bằng máy, giặt áo, rửa bát, hút bụi... Chúng ta khâm phục.

Nhưng sau một thời gian ngắn, chúng ta cảm thấy trong xã hội Mỹ luôn thường dã bị đảo ngược. Vợ chồng bỗng nhau nhủ thay áo, con cái cãi lại bố mẹ, trò đánh thây, con gái chùa hoang, con trai nghiên ma túy, trộm cắp nhử rủi, giết người

như ngoé, luật pháp nhu nhò, cầm súng bắn ông Tông Thông mà toà cho trăng án...

A2. Chúng ta lo ngại. Mà vì môi lo ngại ấy nên các hội đoàn Việt Nam tị nạn đã lên tiếng kêu gọi "Bảo tồn Văn-hóa Cố-truyền". Như cá mắc can, bây giờ chúng ta mới cảm thấy Văn Hoá Dân tộc là một của quý, một chuỗi hạt ngọc, phải cố giữ, không thể để mất dù là một hạt.

Mặc dầu vậy, vẫn có một số, có lẽ khá đông, lý luận rằng ngàn năm một thuở mới có cả hội dắt chân lên lục địa Mỹ châu, khí hậu tốt, lối tíc cao, dãy dù tiên nghỉ, dải sông đầm bảo, chẽ dô dân chủ... thì dai gì mà tính chuyên di chuyển một lần nữa, dù là hồi hường. Tốt hơn là để mặc cho con em mỹ hoá, càng sớm càng hay.

Ngược lại, có nhiều người không lạc quan chút nào. Họ không tin rằng một quốc gia có thể trường tồn nếu thanh niên không chịu di lính, mai dit quân ở nhà trường 12 năm mà vẫn không biết đọc, biết viết... nhưng tệ ảo dã phát hiện ở La Mã, mấy năm trước kia La Mã sụp đổ? Có người nói: "Mỹ châu nhai dài, bài khả van dài dung thân".

Nhận xét ấy rất đúng, nhưng mặc dầu vậy, chúng ta vẫn còn hy vọng nhân dân Hoa Kỳ sẽ thay nguy cơ thua Nga, và sẽ thay đổi thái độ, sửa chữa chính sách, và thúc tê, dư luận Mỹ đã có chiều đổi hướng trong mấy năm gần đây.

Sửa đổi chính sách đối nội, đối ngoại là trách nhiệm của 250 triệu dân Hoa Kỳ. Riêng trong cộng đồng tị nạn chúng ta có một vấn đề phải giải quyết: Làm thế nào để cho con em chúng ta không bi sa doa, không nghiên ma túy, không hồn láo với người trên, con gái không hù hong nhử cô gái láng giềng, con trai không du dãnh nhử thanh niên trong xóm? Hòn nữa, chúng ta còn muốn chúng học được những cái hay, cái đẹp của người Mỹ, như tinh thần siêng làm biêng ăn (Lutheran ethics), da cùu giúp những người hoạn nạn... trong số có chúng ta.

A3. Có một điều khó là cái đó bao giờ cũng đe dọa bước hơn cái hay. Trao đổi văn hóa giữa hai dân tộc theo cùng một định luật thường thể hiện trong việc trao đổi tiền tệ. Định luật ấy là: *Tiền xấu đuổi tiền tốt*, nghĩa là mỗi khi có hai tiền

cùng lưu hành, một thứ tốt vũng giá trị như đồng bạc thục, và một thứ xấu, như bạc giấy, thường mất dần giá trị vì nạn lạm phát, thì không ai bảo ai, mỗi người đều mang giấy bạc ra xài và cất bạc thục vào tủ sắt. Nhờ vậy là tiền xấu đuổi tiền tốt ra khỏi thị trường.

Văn hóa cũng vậy. Mỗi khi hai dân tộc có dịp trao đổi văn hóa với nhau, hai bên đều dễ dàng bắt chước thói hủ tật xấu



của nhau, không cố gắng học hỏi những cái hay của đối bên.

Tóm lại, ngoài việc cho con em đi học để trau dồi khoa học kỹ thuật tân tiến của Tây phương, chúng ta còn hai nhiệm vụ trước mắt: Một là bảo tồn những giá trị cổ truyền của dân tộc, và hai là dùng để con em tiêm nhiễm những bệnh hoạn của thanh niên địa phương.

Nhung tuy hai mà là một, vì lẽ hé làm được công việc thứ nhất thì đồng thời cũng giải quyết được vấn đề thứ hai: Nếu chúng ta giáo dục được con em biết *Nhân, Nghĩa, Lê, Trí, Tin*, thì chúng sẽ không trở thành *báu nhân, bất nghĩa, vô lê, vô trí và thất tín*. Tóm lại, chúng ta chỉ cần bảo tồn cho thế hệ sau những giá trị đạo đức của dân tộc. Một ghi chú nên noi theo: Trẻ con Nhật được rèn luyện kỹ luật từ tuổi thơ áu, nên lớn lên, chúng biết tự kiềm chế, không bị sa ngã và do đó, thế hệ trẻ kế tiếp thế hệ già, xã hội Nhật luôn luôn lành mạnh.

## VĂN HÓA LÀ LỜI KHÍ ĐẤU TRANH ĐỂ SINH TỐN

A4. Mỗi dân tộc có một phong tục tập quán khác nhau, suy nghĩ và hành động khác nhau, nghĩa là có một nền văn hóa đặc thù, nên trong cuộc cạnh tranh để sinh tồn trên cùng một mảnh đất, có kẻ thắng người bại. Ở Hoa Kỳ là nội tu hợp dân ti nan từ bôn phđong trời, một số thể dâ hiên ra trống mặt, không ai không nhận thấy: *Sắc tộc nào mang theo và giữ được những giá trị văn hóa cổ truyền thì sắc tộc ấy thành công rực rỡ, nắm主导 ưu thế trên nhiều lãnh vực*. Người hai, những sắc tộc không có vân liêng văn hóa mang theo cù let det, thấp

kém, không cạnh tranh nổi. Phận đồng chí sống nhõ “men-phe” (Welfare), một hình thức bô thí kèm theo một chủ ý thâm dỗc: Đảm mõm cho dù sống vật vưởng, không có ý chí đấu tranh, suốt đời chỉ hâ mõm chờ sung rụng.

Thành công rực rỡ nhất là người Do Thái. Là một thiểu số rất nhỏ, không tới 2 phần trăm dân số mà nắm tròn guông máy tài chính, kinh tế, giáo dục, y tế và truyền thông. Người Do Thái thành công vì họ có 4 ưu điểm:

a) Họ bảo tồn nguyên vẹn những giá trị tinh thần (spiritual values) tôn giáo của họ đã phát huy từ mấy ngàn năm.

b) Mất nước và di tan khắp thế giới, tới đâu họ cũng học cái hay của địa phương, không bao giờ học cái đó.

c) Bị khinh rẻ và kỳ thị, họ quây quần, đoàn kết chặt chẽ để giúp đỡ lẫn nhau.

d) Họ dồn tư tài sản vào tay lai con cháu. Nhiều người Do Thái bỏ một số tiền vào ngân hàng và ghi rõ số tiền ấy con cháu chỉ được dùng để trả học phí đại học.

Sau người Do Thái là người Nhật và người Tàu. Sinh trưởng ở Mỹ dã mây thê hê mà vẫn giữ được phần lớn những đặc tính dân tộc. Sau họ là người Âu Châu sang lập quốc và lập nghiệp ở Mỹ Châu. Gần đây, người Phi Luật Tân, người Thái và người Đại Hàn cũng đã thành lập những cộng đồng vững mạnh. Người da đen và Mê Tây Cỏ kém về văn hóa nhưng có hai yếu tố thuận lợi: Họ có sức vóc, làm được công việc nặng, và họ có số đông, bắt đầu biết đoàn kết nên hiện đang trở thành hai lực lượng chính trị đáng kể.

Vấn đề được nêu lên là: *Công đồng Việt Nam ti nan phải làm thế nào để cạnh tranh và kiểm đడc một thế dung vũng vàng trong xã hội đa chủng của Hoa Kỳ?* Hết sức khó khăn vì chúng ta có 3 điểm bất lợi:

1- Chúng ta là một thiểu số quá nhỏ, chỉ bằng hai phần nghìn tổng số dân Hoa Kỳ.

2- Chúng ta nhỏ con, chỉ làm được dân thây, không làm dân thò được và

3)- Chúng ta chưa biết đoàn kết chặt chẽ như các thiểu số khác, kể cả Lào và Miến.

Cũng may chúng ta có thể chất thông minh, những cây vào thông minh mà thiếu những đức tính khác, như tính thât đoàn kết, tòng thân tòng ái, chưa dùi cạnh tranh sinh tồn. Trong dòng lịch sử, nhiều chủng tộc hết sức thông minh đã bị diệt vong. Chúng ta chỉ còn một biện pháp: *Bảo tồn văn hóa cổ truyền*, một lời khí vô cùng sắc bén đã giúp dân tộc chúng ta đấu tranh và sinh tồn trong suốt mấy ngàn năm.

## BAO TON VAN HOA CO TRUYEN

A5. Bảo tồn văn hóa cổ truyền là một nhiệm vụ cần thiết và khẩn trương, nhưng vẫn còn là một lời kêu gọi, một khâu

hiệu, chưa có một công trình nghiên cứu sâu rộng để tìm ra nguyên nhân những bệnh hoạn chúng ta đã mắc phải, như bệnh chia rẽ, bệnh lanh tu, bệnh chụp mũ v.v... đã phá hoại nền văn hóa cổ truyền của chúng ta, đã gây trở ngại trong cộng đồng phục hưng và duy trì những giá trị đạo đức và tinh thần của tiền nhân đã để lại.

Nhiều người đã nói đến những chứng bệnh chúng ta đã mắc phải, những án bệnh (*diagnosis*) tức là nhận thấy bệnh, gọi đúng tên bệnh mới là bước đầu. Cốt yếu là phải tìm phuởng cứu chữa (*therapy*), mà muôn chữa bệnh, phải nghiên cứu bệnh lý (*pathology*) để tìm thấy căn bệnh (*etiology*). Không nghiên cứu thấu đáo, không chữa nổi bệnh. Thí dụ: Thầy cộng đồng người tị nạn thiều doan kêt mà chỉ hô hào “*Đoàn kết lại!*” thì chẳng khác bác sĩ thấy bệnh nhân họ, cứ bảo bệnh nhân “*Đừng ho nữa!*”, mà chẳng thuốc thang gì cả. Chữa bệnh văn hóa, tinh thần, tư tưởng của một dân tộc còn khó gấp trăm lần chữa một bệnh nhân. Chúng tôi sẽ bàn thêm về vấn đề này trong dịp khác. Ở đây, chúng tôi chỉ xin trình bày một số cảm nghĩ về vấn đề Bảo tồn Văn hóa Cổ truyền Việt Nam. Khâu hiệu ấy có bốn danh từ, mỗi danh từ đặt ra nhiều câu hỏi cần phải giải đáp.

#### A6. Bảo tồn Văn hóa VIỆT NAM

Đành rằng chúng ta chỉ lo bảo tồn văn hóa của chúng ta, không có nhiệm vụ bảo tồn văn hóa của người khác, nhưng có những giá trị trí tuệ (*intellectual values*) và giá trị đạo đức (*moral values*) chúng ta đã hấp thụ được của Ấn Độ và Trung Quốc, vậy chúng ta có bao tồn những giá trị ấy không?

Xin thừa rằng Văn hóa là sản phẩm chung của loài người, dân tộc này học hỏi, vay mượn của dân tộc kia. Chưa chắc những cái hay chúng ta học của Tàu đã thực là do Hán tộc phát huy, không vay mượn của dân tộc khác. Vì hoàn cảnh địa lý chính trị (*geopolitics*) khác nhau nên trong lịch trình tiến hóa mỗi dân tộc đều kết được một số đức tính, thường gọi là Văn hóa cổ truyền. Nếu cộng cả những tính đó, hoặc không hay mấy thì gọi là Dân tộc tính.

Những đức tính phát xuất từ nòi khác nhưng đã nhập vào cốt túy của chúng ta, đã trở thành truyền thống dân tộc thì chúng ta phải duy trì. Mặc dù “*ngoại lai*” chúng ta vẫn phải coi như của mình và bảo tồn, vì tiền nhân đã phải trải qua nhiều thế kỷ và nhiều gian lao mới hấp thu được.

Tinh thần bài ngoại là một tinh thần hẹp hòi, thoái hóa. Tiên đây chúng tôi xin nêu lên một sai lầm khá phổ biến. Nhiều người bài xích chủ nghĩa mác-xít vì, theo họ, chủ nghĩa ấy ngoại lai. Không đúng! Chúng ta không chấp nhận chủ nghĩa của ông Karl Marx, không phải ông ấy là người Đức, mà vì chủ thuyết của ông phi nhân, phản khoa học và phản thiên nhiên. Nếu ngoại lai mà tôi dẹp chúng ta vẫn chấp nhận như thường, như chúng ta đã chấp nhận Khổng giáo, Lão giáo,

Phật giáo, Kytô giáo, tinh thần khoa học và tử; tưởng dân chủ của Tây phương. Nếu bài trừ bất cứ tư tưởng nào từ bên ngoài tràn vào thì chúng ta sẽ vấp phải cái sai lầm của Minh Mạng, Tù Đức, bịt tai, bịt mắt, không nhận xét và học hỏi những cái hay, cái đẹp người ngoài mang tới.

A7. Người lại, cũng có phong tục tập quán người Hán mang sang và lâu ngày chúng ta yên trí là truyền thống dân tộc. Chúng tôi muốn nói thói tục *Trọng nam khinh nữ*. Câu hỏi cần được nêu lên là: Thói tục ấy có thực là của dân tộc Việt Nam hay không? Hỏi một cách khác: Từ ngàn xưa, tổ tiên chúng ta có trọng Nam khinh Nữ không? Nếu có thì tại sao khi người Hán sang cai trị, chúng ta lại có Bà Trưng, Bà Triệu phát cổ khởi nghĩa, chỉ huy quân lính đánh đuổi giặc Tàu?

Hồi chúng ta mới cắp sách tới trường, học đoạn lịch sử kể chuyện Bà Trưng, Bà Triệu, chúng tôi thắc mắc, tự đặt câu hỏi: Khách mày râu lấn đi đâu mà giới nữ lưu phải xông ra giết giặc? Sau nhiều năm nghiên cứu, chúng tôi mới tìm thấy nguyên do như sau:

*Trọng Nam khinh Nữ* là truyền thống của dân du mục, theo chế độ phu hệ, như rõ Arya và rõ Chu, phát xuất từ các vùng thảo mạc ở Đông Âu và Mông Cổ. Thế kỷ 12 trước Tây lịch, những rõ này tràn vào Ấn Độ và Trung Quốc, mang theo chế độ phu hệ và thói tục *Trọng Nam khinh Nữ*. Thói ây nô nức Văn Lang đã có văn hóa nông nghiệp, và dân nông nghiệp theo chế độ mâu hệ, nghĩa là *Trọng Nữ khinh Nam*.

Hiện nay, ở những vùng không bị người Arya hoặc người



Chu cai tri, hoặc giàn tiếp ảnh hưởng về văn hóa, dân chúng ở những vùng ấy vẫn theo chế độ mâu hệ, như Tây Tạng, Miền Điện, và Ai Lao. Ở những nòi này con trai muôn cười vợ phải mang trầu bò nộp cho nhà gái làm sinh lê. Ở Thủ tướng Lào, con trai phải ở gác rể, lao động không công cho nhà vợ, ngồi đâu nòi tiếp xôi cho bố mẹ vợ và đau khổ nhất nên sau hai năm mà vợ không thai nghén thì bị thải hồi nguyên quán.

Nam trọng Nữ khinh rõ ràng là một thói tục của Hán tộc vì bốn chữ Nam, Trọng, Nữ, Khinh là chữ Hán. Vì trọng Nam khinh Nữ nên người Hán nói Phu Thủ (để Phu lên trước Thủ). Chúng ta nói Vợ chồng (để Vợ lên trước Chồng). Rõ ràng hơn nữa, chúng ta có thành ngữ Lệnh ông không băng công bà. Tại sao không tuân lệnh của ông mà chỉ vâng lời khi nào bà đánh công? Để giải đáp câu hỏi oái oăm ấy, chúng tôi còn lại

lịch trình tiến hóa từ mâu hệ sang phụ hệ và lập nên một giả thuyết như sau:

Sau khi xâm chiếm nước ta, Hán triều cai quản lại người Hán sang cai trị. Vì theo chế độ phụ hệ họ chỉ dây con trai đia phuđong học chủ Hán, và học sinh nào xuất sắc được bổ làm thuộc quan dưới quyền sai bảo của họ, chẳng khác quan lại Việt Nam dưới thời Pháp thuộc. Trong số những người may mắn này có ông Thi Sách, nhưng không cần suy luận nhiều cũng hiểu ông gặp ba khó khăn rất lớn :

1) Ông là quan thuộc "ngạch ban xứ" nên chẳng có mấy tí quyền.

2) Nhân dân còn tinh thần chống đối chính sách thực dân của ngoại bang và

3) Ông là Nam dưới một chế độ *Trọng Nữ Khinh Nam* của dân Giao chi.

Thái thú Tàu là Tô Định bắt ông Thi Sách truyền cho dân phải làm một việc gì đó, dân không chịu tuân lệnh, Tô Định nổi khùng chặt đầu ông. Võ ông là Bà Trưng Trắc mang công ra đánh, tập họp quân sĩ đánh đuổi thực dân Hán về Tàu.

Mã Viên mang đại đội quân mã sang dẹp cuộc khởi nghĩa của Hai Bà, nhưng đồng thời cũng nhận thấy ngày nào các bà còn to quyền thì ngày ấy Tàu chưa cai trị dân Giao Chi qua tay quan lại dân ông bản xứ đồn. Mã Viên bèn ban hành mđổi đạo luật tước quyền của nữ giới và đổi chế độ từ mâu hệ sang phụ hệ.

Những luật pháp không thể nhất đán thay đổi một truyền thống lâu đời. Tuy nhiên dân dã, chế độ phụ hệ và thói tục *Trọng Nam Khinh Nữ* cũng theo văn hóa Hán tộc lan dần vào giới Nho sĩ và truyền xuống những tầng lớp kinh cận. Mặc dù vậy, một ngàn năm sau chế độ phụ hệ vẫn không được chấp nhận một trăm phần trăm. Đời Lý, bà Chiêu Hoàng còn được tôn làm nữ hoàng và đến đời Lê, luật Hồng Đức vẫn công nhận con trai, con gái có quyền hưởng gia tài ngang nhau. Tóm lại, thói tục *Trọng Nam Khinh Nữ* là một thói tục của dân du mục mang vào Ân Độ và Trung Quốc, rồi từ Trung Quốc tràn vào Việt Nam, không phô biến xuống đại chúng lao động. May mắn nồng dân trong thôn xóm không để gì bắt nạt vỡ, vì vỡ cũng lao động cây cối, súc vóc không kém. Nhìn chung trong xã hội Việt Nam, hình như số người sở vỡ có lẽ còn nhiều hơn số người đánh đập vỡ.

Chúng tôi trình bày như trên để chứng tỏ thói tục *Trọng Nam khinh Nữ* chẳng phải là một truyền thống dân tộc, mà dù có là truyền thống di nửa thì cũng phải vứt bỏ vì bất công và lỗi thời.

#### A8. Bảo tồn Văn hóa Cố TRUYỀN

Hai chữ "Cố", "Truyền" nêu lên mấy câu hỏi :

a) Bảo tồn văn hóa cổ truyền có phải là *Bài mì*, không chấp nhận những cái mới, là duy trì tinh thần hủ lậu, phản

tiến hoá không? Xin thưa rằng không. Nếu dân tộc là một cái cây thì văn hóa cổ truyền là cái gốc. Giữ cái gốc cây cho bền vững, đừng để gió bão lật đổ, không có nghĩa là không cho cây trổ thêm cành, mọc thêm lá, nở thêm hoa. Tiến bộ cứ việc tiến bộ, miễn là đừng để mất gốc.

b) Phải trải qua thời gian bao lâu mới gọi là cổ truyền? Xin thưa rằng không có hạn định trong thời gian, nhưng phải có thử thách với thời gian, và phải được quảng đại quần chúng chấp nhận, một thiêng số thường lưu lạc chuông không đủ để gọi là văn hóa cổ truyền của dân tộc. Lấy y phục làm ví dụ: Trong nhiều cuộc họp của giới bô bao, nhiều vị bận áo thung xanh, dội khăn đóng, có vị còn trang cả mè day, kim khánh. Áo thung xanh là triều phục của Mân Thành vua Minh Mang mới bắt chước. Khăn đóng mới xuất hiện từ năm 1920, trước kia các cụ vẫn soi gươong chít khăn. Kim-Khánh là di tích của chính quyền bù nhìn Nam triều, và mè day là huy chướcng của thực dân Pháp gắn cho tay sai đặc lực. Nhưng thực áy không những không phô biến trong dân gian mà còn nhắc nhở cái nhục vong quốc trong 80 năm gần đây. Chẳng phải là truyền thống dân tộc và không nên phô bày. Người lại, y phục "tân thời" của phụ nữ quanh trang áo Lemur, do họa sĩ Cát Tường mới vẽ năm 1932, nhưng da số phụ nữ trong giới trung lưu chấp nhận nên có thể tạm coi là truyền thống (traditional).

#### A9. Bảo tồn VĂN HOÁ CỔ TRUYỀN Việt Nam

Mọi người đều hiểu đại khái Văn Hoá là gì, nhưng định nghĩa danh từ áy quả là một việc khó khăn. Chúng có là trong cuốn REVIEW OF ANTHROPOLOGY, năm 1977, có tất cả 127 định nghĩa khác nhau. Nói chung, học giả thuộc mđoi bộ môn, như ngôn ngữ, tâm lý, xã hội học, v.v... đều định nghĩa "Văn Hoá" là bộ môn, mđinh nghiên cứu, còn các bộ môn các học giả khác nghiên cứu chẳng phải là "văn hoá". Tình trạng "cái vỡ" về định nghĩa "văn hoá" làm chúng tôi nhớ câu chuyện "Người mù sờ voi" của kỵ na giáo:

Một hôm, một con voi đến một vùng mà tất cả mọi người, vì một lý do nào đó đều mù cả hai mắt. Nghe nói có voi tới, họ rủ nhau đi "xem" voi. Người *gõ* được cái vòi bảo "Voi giống con rắn"; người *sờ* được ngà voi bảo "Voi nhọn như ngón dấu"; người *sờ* được tai, bảo "Voi to như cái quạt thóc"; người *sờ* được chân voi bảo "Voi in hệt cái cột nhà" và người *sờ* được đuôi voi bảo "Voi dài như sợi thung".

Cùng một thực thể mà mọi người nhận xét theo một khía cạnh. Tình hình kiên thực của nhân loại hiện nay cũng tương tự. Cứ nhận xét cục bộ, phiến diện, tin tưởng một cách chủ quan, dà kích lẩn nhau và chém giết những người không đồng quan điểm với mình.

Chi vì một lẻ rái để hiểu mà "văn hóa" có nhiều định nghĩa khác nhau: *Văn hóa là tất cả*. Mọi bộ môn chỉ là một thành phần của văn hóa, chẳng khác mỗi bộ phận của con voi chỉ là

một phần của toàn thể con voi.

Vì “Văn hóa” là một khái niệm khá phức tạp nên thường có những nhận định sai lầm như sau:

- Có người cho rằng biết cảm xúc và cảm, biết ăn mắm tôm và rộng hồn nữa, biết nói tiếng Việt Nam là còn giữ được Văn Hóa Dân Tộc. Thực quá chà đở. Đây mới là những bước đầu.

- Nhiều người thường lầm lẫn “Văn hóa” với “văn học” và “văn chương”.

- Tây phuồng thường lầm lẫn “văn hóa” với “văn nghệ”. Điều hình: Ở thủ đô Hoa Kỳ có một tòa nhà lộng lẫy thường dùng để triễn lãm và biểu diễn văn nghệ mang tên là Kennedy Cultural Center (Trung Tâm Văn Hoá Kennedy).

Trong khi các học giả định nghĩa “văn hóa” lung tung, người soạn từ điển không thể dành 10 hoặc 20 trang để liệt kê tất cả những định nghĩa lêch lạc, nên miễn cưỡng, họ phải tìm một định nghĩa chung chung, tóm tắt trong một câu. Họ nói: *Văn hóa là lề lối sinh hoạt*. Rất gọn, nhưng có thể nêu lên câu hỏi: Các sinh vật khác cũng có “lề lối sinh hoạt”, vậy chúng có văn hóa không? Tại sao không? Vì theo định nghĩa “văn hóa là lề lối sinh hoạt” thì bất cứ sinh vật nào cũng có văn hóa vì chúng đều có lề lối sinh hoạt riêng biệt. Đặc biệt là loài ong. Chúng có một chế độ xã hội hoàn hảo hơn loài người, không hề có xung đột nội bộ, chúng có một guồng máy hành chính không có thủ lại (bureaucracy), có một quân đội tình nguyện có tinh thần “thần phong”, nhưng không có sĩ quan, và về kỹ thuật, loài ong chế tạo được “mật”, thực phẩm số 1, chưa có phòng thí nghiệm nào của loài người có thể chế tạo được.



A10. Văn hóa quả là một khái niệm vô cùng phức tạp, dài hơi một công trình nghiên cứu sâu rộng. Chúng tôi mong có dịp bàn thêm về vấn đề này, nhưng vì dang thảo luận vấn đề *Bảo tồn Văn hóa*, chúng tôi hãy tạm đưa ra định nghĩa: *Văn hóa là lề lối sinh hoạt và suy nghĩ*, vì loài người khác loài thú, và ngay cả trong xã hội loài người, chủng tộc này khác chủng tộc kia, sinh hoạt khác nhau tùy theo khả năng suy nghĩ, họ khác nhau vì tư tưởng đúng hay sai. Trong lịch sử mỗi dân tộc, họ tư tưởng chỉ đạo thay đổi thì lề lối sinh hoạt của toàn dân cũng thay đổi. Cụ xem Việt Nam, trước và sau khi công sản nắm chính quyền cũng đủ rõ.

## A11. *BẢO TỒN VĂN HÓA*

Hai chủ *Bảo Tồn*, cũng nêu lên nhiều câu hỏi, dài khái nhù:

a) *Chúng ta phải bảo tồn toàn bộ văn hóa cổ truyền*, hay phải chọn lọc, chỉ bảo tồn những cái hay, cái đẹp, bỏ những cái dở, lỗi thời? Văn hóa cổ truyền cũng gọi là truyền thống, nên để trả lời câu hỏi trên một cách gọn gàng, chúng tôi xin nhắc một câu trong kinh *Kalama* của Phật giáo: *Đừng nhầm mist tin một điều nào đó là đúng, là hay, chỉ vì lẽ điều ấy đã là một truyền thống*. Thực rõ ràng: cách đây 25 thế kỷ, một vĩ nhân Ấn Độ là Phật Thích Ca đã khuyên bao chúng ta không nên yên trí moi truyền thống là đúng, là hay. Có cái hay nhưng cũng có cái dở. Tất nhiên phải lo bảo tồn những cái hay và loại bỏ những cái dở.

b) *Nếu bỏ một phong tục cổ truyền của dân tộc, có nên thay thế bằng một phong tục hiện đại của Tây phuồng không?* Đáo giang túy khúc, nhập gia túy tục. Tây phuồng có những phong tục tốt, chúng ta cần phải chấp nhận vì có lối, và cũng giúp chúng ta dễ hòa đồng trong khi chúng ta chung sống với họ.

Nhưng cũng có phong tục Ta đồ mà Tây cũng đồ, cần phải châm chước, bỏ cùu.

Thí dụ: Ngày xưa các cụ nói “*Cha mẹ đặt đâu, con cái ngồi dây*”. Tất nhiên các cụ từ cho mình quá nhiều quyền, nhưng ngày nay phong tục Tây phuồng lại ngược hẳn lại: “*Con cái đặt đâu, cha mẹ ngồi dây*”. Bởi mẹ khuyên khích trẻ con 9, 10 tuổi đi “date” (tim hiểu), và pháp luật bảo đảm thanh niên có toàn quyền lựa chọn người bạn trăm năm. Từ đó lựa chọn là một nguyên tắc rất hợp tình, hợp lý, nhưng đây chỉ là một nguyên tắc. Vấn đề cần được đặt ra là: *Thực sự có lựa chọn hay không?*

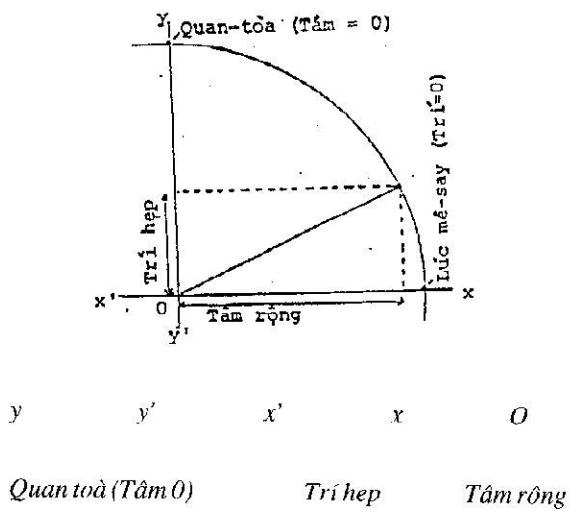
Xin trả lời: Hôn nhân phải bắt đầu bằng tình yêu. Không yêu nhau, tốt hòn đắng lây nhau. Nhưng tình yêu thuộc Tâm. Hết yêu nhau thì quả Tim đập mạnh, không yêu thì Tim không rung động. *Lựa chọn thuộc Trí*, vì trí óc có tính táo, sáng suốt mới có thể nhận xét, cân nhắc và quyết định.

A12. Vấn đề trở thành phức tạp vì Tâm và Trí phản ứng lẫn nhau theo một phuồng trình lưỡng giác (trigonometry). Chúng ta thường nói “*Trí óc cởi mở*”, và “*tâm địa hẹp hòi*”. Hai chủ “cởi mở” và “hẹp hòi” chúng tôi Tâm và Trí là hai góc cạnh, có khi rộng, có khi hẹp. Sau đây là phuồng trình: *TRÍ - TÂM = 90°*.

*Nghĩa là hé Trí rộng thêm thì Tâm phải hẹp lại, và hé Tâm rộng thêm thì Trí phải hẹp lại.*

*Nếu đặt Tâm vào hoành độ và Trí vào tung độ thì với mỗi độ mở của Tâm và Trí, giá trị của Trí là sine và giá trị của Tâm là Cosine.*

*Theo phuồng trình ấy, Tâm càng phát triển thì Trí càng thu hẹp, và ngược lại. Khi nào Tâm lên đến cực độ thì Trí tự xuông số 0 (không). Đây chính là trắc đòng hợp “sét đánh” (coup*



Rồi vào tình trạng ấy, lý trí biến mất và đôi bạn tình nhân mặt hết khả năng lựa chọn, chỉ yên trí một cách chủ quan rằng họ dã yêu nhau khi mới gặp thì sẽ yêu trọn đời.

Lấy nhau rồi, ngày tháng trôi qua, Tâm bớt rung động, thu hẹp lại. Trí mờ rộng thêm và dần dần sáng suốt trở lại. Lúc bấy giờ Chị mới thấy anh hay gắt gỏng, giữ cả số lưỡng để tiêu một mình, hoặc mê cẩn bac, có khi mê cả gái. Anh mới thấy Chị nhiều lối, bướng bỉnh, chỉ biết bố mẹ mình, không coi bố mẹ chông ra gì cả. Cảm hêt lành, canh hêt ngọt. Nhưng trót nói, tay Anh dã bị "nhung chàm", "ván" của Chị dã đóng thuyền "dai rỗi còn biết khôn làm sao dây?". Chị còn hai cách: Một là "ngậm bồ hòn làm ngọt" và chịu đựng ngang trái suốt đời, hai là ly dị, "Anh đi duồng anh, tôi duồng tôi, tình nghĩa dôi ta có thể thôi", đổ hết tai và lên đầu lũ trẻ thơ đợi. Vì người Mỹ thiếu kiên tâm chịu đựng nên họ thường chọn cách thứ hai. Đây là lý do tại sao ở Hoa Kỳ, thống kê cho biết hằng năm số ly dị gần ngang số hôn thú.

Gần đây thanh niên Mỹ mới phát minh một diệu kế: Trước khi ra toà ký giấy hôn thú, hãy "thủ kiêu" trong một thời gian xem sao, in hêt khi mua giấy, phải thò chân vào giấy thủ trước. Thật thà mà nói, phu lòng pháp ấy chỉ có lối cho bàn chân, dùc thò vào nhiều giấy, tuyệt nhiên không có lối cho đôi giày.

Người viết xin đề nghị một phu lòng sách: Dung hoà cõi, kim, đồng, tây, tức là khi nào đôi bạn tình nhân thấy Tim dập mạnh quá mà Trí có chiêu lu mõ thì nên tham khảo ý kiến người ngoài cuộc, như bố mẹ, anh chị em, bạn bè v.v... và trong số những người ngoài cuộc không ai bằng bố mẹ, vì các cụ bao giờ cũng mong hạnh phúc cho con cái nhất là các cụ đã có kinh nghiệm bản thân về tình nghĩa vợ chồng. Kinh nghiệm ấy là: Tình yêu là yêu rõ cõi yêu, nhưng không phải là yêu vô duy nhất bảo đảm hạnh phúc già đình. Còn rất nhiều

yêu tố khác mà chỉ có kinh nghiệm lâu năm mới nhận thấy.

### A13.

c) Có một câu hỏi, có thể gọi là ngô ngênh, nhưng đã thảo luận thì phải đầy đủ nên chúng tôi vân thây cần phải nêu lên. Câu hỏi ấy là: Gia tài văn hóa của dân tộc quý giá chúng nòà mà phải lo bảo tồn? Bây giờ chúng ta tị nạn ở các nước Tây phu lòng giàu mạnh có nên bỏ phứt di và thay thế bằng văn hóa Tây phu lòng không? Xin trả lời:

Đọc lại lịch sử, chúng ta thấy dân tộc Việt Nam có một thời đại vàng son mà chúng ta có quyền tự hào, một tài sản quý báu vô ngàn cần phải bảo tồn. Không ai chối cãi và thế giới bên ngoài cũng phải công nhận dân tộc Việt Nam là một dân tộc anh dũng. Một nước nhỏ bé, nắm sát nách một đế quốc rộng lớn hơn 50 lần, bị đế quốc Áy cai trị trên một ngàn năm mà không những thoát khỏi ách đô hộ, còn đánh bại đế quốc Áy nhiều lần. Việt Nam là quốc gia duy nhất trên thế giới đã đánh bại đế quốc Mông Cổ, không phải một lần mà ba lần liên tiếp, không phải chiến thắng vào lúc Mông Cổ suy nhược mà vào giữa lúc Mông Cổ đang hùng mạnh nhất, lan rộng từ bờ biển Thái Bình Dương sang đến Ấn Độ, Trung đông, bờ sông Danube và biển Baltic. Nga la từ và Liên xô vĩ đại chúa ra đời, nhưng vương quốc Mat's kova bị đoàn người ngựa Mông Cổ đâm nát. Không một quốc gia nào kháng cự nổi đoàn người ngựa Áy, ngoại trừ Việt Nam nhỏ bé.

Có nhiều nguyên nhân giúp Việt Nam chiến thắng, nhưng nguyên nhân chính mà sử sách đã chép rõ ràng là: Hội áy dân tộc Việt Nam có tình thân đoàn kết cao độ, biểu hiện tại Hội Nghị Điện Hồng.

Một kỳ công thứ hai: Trung quốc bao gồm mấy trăm chủng tộc khác nhau mà tất cả đã bi Hán hóa. Mân Thanh là trùm hợp diên hình. Chỉ vì hùng mạnh quá, mang quân sang chiếm và cai trị Trung quốc nhưng vì kén về văn hóa nên rốt cuộc bi Hán hóa và mất nước với Hán tộc, trong khi Việt Nam sau một nghìn năm Bắc thuộc vẫn còn là một dân tộc biệt lập. Khi nào bắn về văn hóa dân tộc chúng tôi sẽ trình bày nhưng ưu điểm khác, nhưng tại đây chúng tôi hãy nêu lên Tình Thân Đoàn Kết Dân Tộc vô tiền khoáng hậu của tiên nhân về đời Lý Trần.

Tiền nhân đã bảo vệ được lãnh thổ và dân tộc trong những thời đại kế tiếp vì như Nguyễn Trãi đã nói: "Đau cõi thương nhược có lúc khác nhau, song hào kiệt đổi náo cũng có". Nhỏ có hào kiệt, ông cha chúng ta không những đã giữ được bờ cõi phía Bắc mà còn hành trùm thêm về phía Nam, từ lulu vực sông Nhị đến đồng bằng sông Cửu Long, cách xa 1500 cây số. Tốc độ trung bình 2 cây số mỗi năm.

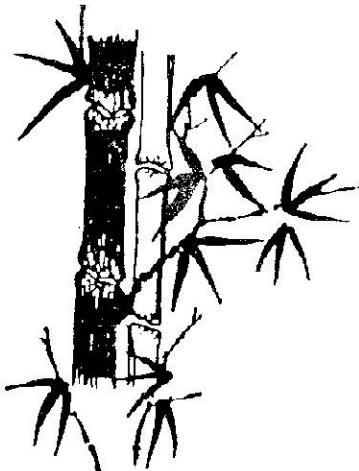
Để hình dung hai công cuộc vĩ đại ấy, chúng tôi xin trình bày một hình ảnh cụ thể: Nhìn vào bản đồ Á Châu, Trung

quốc là một nước không lõi ở phía Bắc, Việt Nam là một hành lang nhô hép, con đường độc đáo nối liền Trung quốc với toàn vùng Đông Nam Á phì nhiêu, vùa lúa gạo. Chúng ta hãy hình dung Trung quốc và Việt Nam như một cái phễu, Trung quốc là cái “loa phễu” và Việt Nam là cái “cuồng phễu”.

Suốt lịch sử, mà có lẽ ngay cả bây giờ, Hán tộc nắm trong cái “loa phễu” cù mìn chui qua cái “cuồng phễu” để Nam tiến. Dân tộc chúng ta chẳng khác một cái nút bông đặt ngay ở đầu “cuồng phễu”, ngăn chặn không cho binh mã của Thiên triều, ví như chất dặc, chui qua, mà chỉ cho văn hóa Hán tộc, ví như chất long thâm dân. Chúng ta hưng lây những tinh túy trong chất long ây, tức là những điều tốt đẹp của văn hóa Hán tộc, cộng thêm vào những điều tốt đẹp của dân tộc mình, rồi sử dụng những điều tốt đẹp của cả dải bên như một lời khí sắc bén để chiến thắng Chiêm Thành. Tô tiên chúng ta đã hoàn thành hai công trình vĩ đại: *Ngăn chặn không cho Hán tộc Nam tiến, và giữ việc Nam tiến về phân minh*. Nếu tiên nhân không chặn được cuộc Nam tiến của Hán tộc thì không những Việt Nam không còn mà toàn vùng Đông Nam Á có lẽ đã bị Hán hoá từ lâu.

### VĂN HOÁ QUYẾT ĐỊNH VĂN MỆNH CÁC DÂN TỘC

a14. Ông lai toàn bộ lịch sử nhân loại chúng ta nhận rõ một điều có giá trị một định luật: *Văn hóa ảnh hưởng trực tiếp đến sự thăng trầm của các quốc gia dân tộc*. Từ cổ chí kim, từ



Đông sang Tây, dân tộc nào cũng đạt tới mức cường thịnh (cả cường lân thịnh, không phải chỉ cường mà không thịnh như các nước cộng sản) trong những thời đại mà dân tộc ấy có một nền văn hóa lành mạnh, phong phú.

Xưa kia, A đúc đế (Asoka) thống nhất Ấn Độ, sau khi Phật

giáo và 5 học phái khác (Hoài nghi, Duy vật, Đinh mêm, Nguyên tử và Tự nhiên) phát triển tại miền Tây Bắc Ấn Độ. La Mã và Athens chỉ là hai thị trấn nhỏ mà thành trường ảnh hưởng và thế lực ra khắp Âu Châu, Cận đông và Bắc Phi cũng vì đã phát huy được hai nền văn hoá quý giá. Gần đây Tây phuỗng bá chủ thế giới vì Tây phương phát triển được khoa học kỹ thuật, sau phong trào cách mạng Dân chủ, con đẻ của Phong trào Trùng hùng Văn hoá (Renaissance) mấy thế kỷ trước. Một kỳ công của thời đại: Bị bại trận, ném bom nguyên tử, bị chiếm đóng, kỹ nghệ bị tàn phá, kinh tế hoàn toàn kiệt quệ, mà chỉ 20 năm sau, Nhật Bản đã nghiêm nhiên trở thành một cường quốc. Lý do: Trong thế giới tự ban dang khôn dồn vì văn hoá suy dỗi, người Nhật vẫn bảo tồn được nền văn hóa cổ truyền lành mạnh của dân tộc Nhật.

Việt Nam cường thịnh về đời Lý Trân vì hồi ấy Việt Nam cũng có một nền văn hóa phong phú và lành mạnh, in hệt Trung quốc về đời Tùy Đường. Phong phú và lành mạnh là tại chế độ giáo dục bao trùm nhiều triết học khác nhau, Khổng, Lão, Phật, mà người sau gọi là *Tam giáo*.

Trung quốc đạt tới mức văn minh vô tiền khoáng hậu về đời Đường vì người Hán về đời ấy có tinh thần cởi mở, không bài ngoại. Sứ giả Nhật, ông Obata, kể chuyện: “*Thủ đô Tràng an là trung tâm truyền giáo của đủ thứ tôn giáo khác nhau và cũng là nồi tụ hội đông đủ các chủng tộc thuộc nhiều tín ngưỡng khác nhau như người Siri, A Rập, Thát Đát, Cao Ly, Nhật Bản và An nam*.”

Người Tàu thời bấy giờ có dâu óc cởi mở, không có tinh thần bài ngoại vì nhở chế độ Tam giáo. Học sinh phải học cả ba triết học, Khổng, Lão, Phật, có dịp so sánh điều hay điều dở, và tổng hợp những điều hay thành một hệ thống tư tưởng lành mạnh, và nhở dây, phát triển kinh tế, kỹ thuật, thương mại, văn học tối mức cực thịnh.

Nhưng dột nhiên, năm 845, dưới áp lực của giới nho sĩ, vua Đường Vũ Tông ra lệnh bài trừ ngoại đạo, đưa Khổng giáo lên địa vị độc tôn, gọi là Quốc giáo, san bằng tất cả chùa chiền và nhà thờ của tất cả mọi tôn giáo “ngoại lai”, đuổi hết người ngoại quốc ra khỏi nước, phá hết thuyền đi biển để người trong nước hết phuỗng tiền xuất ngoại. Từ ngày ấy Trung quốc xuống dốc và cho đến ngày nay không có thuyền quân.

Phật giáo bị tẩy trũ tận gốc rễ. Hai mươi lăm ngàn ngôi chùa bị san bằng, tượng Phật bằng vàng bạc đúc thành thoi, chuông chùa đúc thành tiền đồng, nộp ngân khố. Hai trăm năm mười ngang sủ vãi bị đưa đi “trai kinh tế mới” khẩn hoang, sản xuất nông nghiệp và nộp thuế cho triều đình. Sứ Tàu không chép, nhưng sau một cuộc “Cách mạng long Trời, lở Đất” có

XEM TIẾP TRANG 62